

*Phẩm thứ ba mươi sáu: **PHỔ HIỀN HẠNH***  
(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 49 trong kinh).

**A- Ý ĐƯA RA** Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Tổng quát, nghĩa là hai phẩm trình bày về nhân-quả xuất hiện, cho nên tiếp theo đưa ra. Cũng gọi là nhân-quả bình đẳng, nghĩa là hợp với nhân sai biệt trước đây, thành tựu về nhân tròn vẹn của Phổ Hiền ở đây, hợp với quả sai biệt, thành tựu về quả xuất hiện của Tánh Khởi. Lại bởi vì trước là dựa theo Tu mà phát sinh (Tu sinh), ở đây dựa theo Tu mà hiển bày (Tu hiển). Nếu như vậy thì vì sao lại không có thừa hỏi riêng biệt? Lại vì sao cuối cùng của quả sai biệt mà không có điềm lành chứng minh, cuối cùng của nhân bình đẳng thì lại có điềm lành xuất hiện? Tức là dùng nghĩa này để hiển bày là hợp với trước đây, nếu lại thừa hỏi riêng biệt thì có ngăn cách, bởi vì muốn hợp với trước đây cho nên không dùng điềm lành ngăn cách, pháp rộng khắp đặc biệt hiếm lạ thì nhân quả đều có điềm lành. Lại trước phải có điềm lành, bởi vì kinh đưa ra chưa hết, cho nên không có mà thôi.

Riêng biệt, nghĩa là phẩm này nhân trước-quả sau, vốn là nghĩa theo thứ tự. Cũng là giải đáp xa câu hỏi về những công hạnh ở đầu Hội thứ hai trước đây, và câu hỏi về Bốn nguyện nghĩ đến thừa thỉnh ở phẩm Bát Tư Nghi. Trước tuy đã giải đáp, mà hai phẩm sau rất vi diệu cho nên trở lại trình bày về điều đó; cũng giống như vẻ đẹp tùy theo của vô lượng tướng tốt, mà lại vi diệu ở trong vi diệu, Cổ đức tách riêng làm thành một đoạn về nhân-quả.

**B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI:** Đầu là tổng quát hiển bày về tên gọi-ý nghĩa của hai phẩm, dựa vào Tánh khởi Tu, dựa vào Tánh khởi Dụng, tướng sai biệt không còn thì Thể của nhân quả như nhau, cho nên nói là nhân-quả bình đẳng. Lại nhân là nhân của quả, lượng rộng khắp pháp giới; quả là quả của quả, cảnh giới như hư không. Nhân quả đều cùng tận vị lai làm lợi ích yên vui cho Hàm thức, cho nên gọi là xuất hiện.

Riêng biệt thì Phổ Hiền là tên gọi của phẩm, tức là nêu lên người để hiển bày pháp, trình bày về pháp của Hạnh này không phải là pháp theo thứ tự, Hạnh là hiển bày về pháp chứ không phải là người, Phẩm là trình bày về những công hạnh chứ không phải là nói về Thể của người. Đức rộng khắp pháp giới là Phổ, rất thuận với điều hòa thuận thiện gọi là Hiền, dựa vào Tánh thành tựu về Tu gọi là Hạnh. Nhưng Hạnh Phổ Hiền, phần nhiều các kinh có tên gọi ấy, trong phẩm tuy mở rộng, mà

nay sơ lược hiển bày về mười nghĩa, để biểu thị cho Vô tận.

1- Đã mong cầu rộng khắp, nghĩa là bởi vì cần phải mong cầu chứng được pháp bình đẳng mà tất cả Như Lai đã chứng.

2- Đã giáo hóa rộng khắp, bởi vì ở đâu một mảy lông có nhiều chúng sinh mà đều giáo hóa tất cả.

3- Đã đoạn trừ rộng khắp, bởi vì không có một phiền não nào mà không đoạn trừ.

4- Đã thực hành về Hạnh thuộc Sự rộng khắp, bởi vì không có một Hạnh nào mà không thực hành.

5- Đã thực hành về Hạnh thuộc Lý rộng khắp, bởi vì ngay nơi Hạnh thuộc Sự trên đây, đều đầy đủ tánh mà xuyên suốt nguồn cội của Lý.

6- Hạnh vô ngại rộng khắp, bởi vì hai loại trên xuyên suốt đan xen với nhau.

7- Hạnh dung thông rộng khắp, bởi vì tùy theo mỗi một Hạnh mà thâm nhiếp dung thông vô tận.

8- Dụng đã khởi lên rộng khắp, bởi vì Dụng không có gì không thuận theo, không có gì không đầy đủ.

9- Nơi chốn đã thực hành rộng khắp, bởi vì tám môn trên đây có khắp vô số thế giới như lưới giăng của Đế Thích, mà tu tập thực hành tất cả.

10- Thời gian đã thực hành rộng khắp, bởi vì tận cùng thời gian ba đời, niệm-kiếp viên dung mà không có kỳ hạn cuối cùng.

Mười Hạnh trên đây đan xen mà không lẫn tạp, hòa vào với nhau trùng trùng, Thiện Tài đi vào một sợi lông của Phổ Hiền, mà pháp môn đã đạt được, vượt qua các Thiện hữu bội lần không thể nói hết. Lại mười Hạnh trên đây tổng quát thu vào làm hai: Nếu Phổ Hiền sau phần vị, thì đạt được quả không rời bỏ nhân, xuyên suốt tận cùng thời gian vị lai là Hạnh Phổ Hiền, dùng người để làm sáng tỏ về pháp là Hạnh của Phổ Hiền. Nếu Phổ Hiền trong phần vị-trước phần vị, thì dùng đức để thành tựu người, chỉ tu tập về Hạnh rộng khắp thì gọi là Phổ Hiền, cũng bởi vì Phổ Hiền tức là Hạnh, cho nên chỉ thuận theo tên gọi của Hạnh. Nếu chỉ riêng Phổ Hiền sau phần vị, thì Hạnh của Phổ Hiền không có thiết lập ở phần vị dưới.

Mở rộng giải thích về Phổ Hiền, phân rõ như Hội thứ nhất.

**C- TÔNG THỨ:** Cũng trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Tổng quát, dùng hai phẩm trình bày về nhân quả bình đẳng làm Tông, hợp với sai biệt trước đây làm Thứ.

Riêng biệt, dùng phẩm này trình bày về nhân tròn vẹn bình đẳng làm Tông, thành tựu quả bình đẳng không hai làm Thú.

**D- TRONG GIẢI THÍCH VĂN**, có hai: Phẩm này phân rõ về nhân, phẩm sau trình bày về quả.

Trong phẩm này cũng có hai: Trước là Trường hàng thẳng thắn trình bày, sau là dùng kệ trở lại hiển bày.

Trước là Trường hàng, lại có hai: Một- Chính thức thuyết giảng; Hai- Điềm lành chứng minh.

**Phần một** cũng có hai: 1- Trình bày về nhân thuyết giảng; 2- Từ “Phật tử, Ngã bất kiến...” trở xuống là chính thức trình bày về nghĩa này.

**Trong phần 1** cũng có hai: a- Nêu lên thuyết giảng phần ít trước đây; b- Đưa ra giải thích về nguyên cớ.

**Phần a-** Phổ Hiền thuyết giảng, là dùng người để biểu thị cho pháp.

Nói như trước đây: 1- Gần thì nêu ra một phẩm Tùy Hảo trước đây, vì chúng sinh chướng ngại nặng nề ở địa ngục, mà sơ lược thuyết giảng về Dụng thuộc phần ít của vẻ đẹp tùy theo, mở rộng thuyết giảng thì khó suy nghĩ. 2- Tổng quát nêu ra quả đã thuyết giảng trước đây, là cảnh giới thuộc phần ít, bởi vì vô lượng vô biên quả bất dứt ngôn từ. 3- Xa thì bao gồm nhân quả sai biệt, tuy có nghĩa của viên dung, mà bởi vì nhân quả phân ra khác nhau theo thứ tự của năm phần vị, tùy theo cơ dựa vào bệnh, chưa tận cùng nguồn cội của pháp, cho nên gọi là phần ít. Bởi vì hiển bày về nhân quả bình đẳng sau này, tùy theo pháp tánh mà thuyết giảng về nhân quả viên dung, cho nên gọi là thuyết giảng rộng lớn.

**Trong phần b-** Đưa ra giải thích về nguyên cớ. Ý đưa ra nói: Vì sao trước đây gọi là thuyết giảng phần ít? Văn giải thích có hai ý: 1- Thành tựu phần trước, sở dĩ chư Phật Thế Tôn xuất thế, là bởi vì chúng sinh có mười lỗi lầm như Vô minh..., chưa thích hợp để mở rộng thuyết giảng, cho nên trước phải trình bày về những sai biệt. 2- Sinh khởi phần sau, nghĩa là chúng sinh đã lỗi lầm thêm nhiều chướng ngại dây dưa không có tận cùng, bởi vì một đối trị thì tất cả đối trị, một hiện rõ thì tất cả hiện rõ, chúng sinh không có tận cùng, nhân quả cũng cùng tận thời gian vị lai, tùy theo những điều trước đây bởi vì chưa tận cùng.

Nói về mười lỗi lầm: 1- Vô minh. 2- Dấy lên hành ác. Bản kinh thời Tấn gọi là các Triền, thì cũng là Hoặc. Hai loại này là tổng quát. Sáu loại tiếp đều là Vô minh. 3- Chấp Ngã và Ngã sở. 4- Đắm theo

Thân kiến, Địa thứ sáu nói thế gian thọ thân đều bởi vì đấm theo Ngã. 5- Bởi vì ba điên đảo-bốn điên đảo... mà không thể nào quyết đoán. 6- Trái ngược rời xa Chánh lý. 7- Biến kế phân biệt. 8- Kiết sử ràng buộc luôn luôn đi theo. 9- Trôi theo dòng sinh tử, nghĩa bao gồm Nghiệp-Khổ, bởi vì trôi theo nhân-trôi theo quả. 10- Cách xa đạo của Như Lai, bởi vì đi theo con đường sai trái. Đây là kết luận thành tựu về sai lầm ấy. Tên gọi của Kiết-Phược... như bình thường đã phân rõ.

Trong phần 2 là chính thức trình bày về Hạnh Phổ Hiền, có hai: a- Trình bày về pháp thụ động đối trị rộng nhiều; b- Từ “Thị cố chư Bồ-tát...” trở xuống là chủ động đối trị rất vi diệu.

*Phần a-* Trình bày về pháp thụ động đối trị rộng nhiều. Một phiền não đã trở thành trăm vạn chướng ngại, thì một chướng ngại là nghĩa của tất cả chướng ngại, thì tất cả phiền não đều như vậy. Nay thuận theo loại nặng nề mà nói, trong văn có ba mục: Một- Nêu lên; Hai- Đưa ra giải thích; Ba- Kết luận thành tựu.

**Mục một-** Nêu lên: Tổng quát nêu lên nóng giận là nặng nề nhất, bởi vì ngoài nóng giận ra, trải qua suy xét tìm tòi khắp nơi, không có một hành ác nào nặng nề như nóng giận. Bản kinh thời Tấn nói: “Một tâm nóng giận khởi lên, trong tất cả các hành ác không có gì vượt qua hành ác này.” Kinh Quyết Định Tỳ Ni nói: “Bồ-tát thà rằng khởi lên trăm ngàn tâm tham lam, chứ không khởi lên một tâm nóng giận, bởi vì trái ngược làm hại Đại Bi không có gì vượt qua tâm nóng giận này.” Kinh Bồ Tát Thiện Giới cũng giống như ở đây nói.

Nói đối với Bồ-tát khác, là nếu khởi tâm nóng giận đối với Bồ-tát thì lỗi lầm ấy rất nặng nề, bởi vì khiến cho Bồ-tát phước bỏ Đại Hạnh. Vì vậy trong kinh Đại Bát Nhã nói: “Thiên ma thấy các Bồ-tát tranh cãi đúng sai lẫn nhau, thì vô cùng vui mừng hơn hẳn bình thường.”

**Mục hai-** Từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra giải thích.

Trong giải thích có hai: 1- Tổng quát hiển bày; 2- Từ “Hà đẳng...” trở xuống là đưa ra. Nêu lên tuy là trăm vạn mà tóm lược nêu ra trăm môn. Người xưa dựa vào phần vị phân làm năm: Một- Chướng ngại đến Hạnh của Thập Tín; Hai- Từ “Bất lạc Phật pháp...” trở xuống là chướng ngại đến Hạnh của Thập Trú; Ba- Từ “Bất đắc Bồ-tát chư căn...” trở xuống là chướng ngại đến Hạnh của Thập Hạnh; Bốn- Từ “Lạc phỉ báng nhất thiết...” trở xuống là chướng ngại đến Hạnh của Thập Hồi Hương; Năm- Từ “Bất lạc dữ Bồ-tát đồng trú...” trở xuống là chướng ngại đến Hạnh của Thập Địa.

Nói miệng chướng ngại như dê cầm, đây là chướng ngại của Nhĩ

căn, bởi vì sinh nơi biên địa không nghe đến pháp, vì thế cho nên miệng không nói được điều gì. Chương ngại của Thiệt căn, tiếp về sau tự nhiên rõ ràng. Người xưa kết luận rằng: “Vạn hạnh của Bồ-tát không vượt qua năm phần vị này, một tâm nóng giận khởi lên thì tất cả lập tức chương ngại.” Cách giải thích này không phải là không có lý, như tâm địa bất chính mà mong cầu giáo pháp, lẽ nào chỉ có chương ngại đối với Địa thôi sao? Vậy thì biết bao gồm chương ngại tất cả, phần vị Tín hãy còn không khởi lên, huống hồ phần vị sau hay sao? Lại thụ động chương ngại đến pháp giới như lưới giăng của Đế Thích trùng trùng, chủ động chương ngại giống như thụ động chương ngại, cũng đều là vô tận, cho nên biết rằng trăm vạn hãy còn là tóm lược trình bày.

**Mục ba-** Từ “Phật tử, nhược Bồ-tát...” trở xuống là kết luận thành tựu, có thể biết.

Trong phần b là chủ động đối trị rất vi diệu, có hai mục: Một- Chính thức hiển bày; Hai- Kết luận khuyến khích.

**Mục một-** Chính thức hiển bày, vẫn có sáu phần vị, mỗi phần vị đều có mười Hạnh, đầu là một phần vị bắt đầu tu tập, sau là năm phần vị thành tựu lợi ích. Năm phần vị sau lần lượt chuyển tiếp dựa vào phần vị đầu, là bởi vì đầu đã thâm nhiếp sau, một đối trị thì tất cả đối trị. Thuyết giảng có trước-sau mà đạt được thì cùng một lúc.

**Phần vị thứ nhất,** phân hai mục: 1- Nêu lên khuyến khích tu tập; 2- Từ “Hà đẳng...” trở xuống là đưa ra và kết luận. Trong đó, mười pháp thâm nhiếp làm thành năm cặp, phân rõ về năm loại tu tập: Hai cặp đầu dựa theo người trình bày về tu tập khiêm cung, bởi vì cung kính người trên, thương yêu người dưới. Hai cặp tiếp dựa vào pháp trình bày về tu tập chân chính, bởi vì thuận theo giáo pháp, nhận biết sự việc. Hai cặp tiếp dựa theo tâm hạnh trình bày về tu tập rộng lớn, bởi vì vui thích Đại Hạnh, vững vàng Đại Tâm. Hai cặp tiếp dựa theo Trí trình bày về tu tăng thắng, bởi vì bên trong tiến vào Trí của quả, bên ngoài khởi lên biện giải thù thắng. Hai cặp sau dựa theo Bi nguyện trình bày về tu tập trong thời gian dài, bởi vì chúng sinh vô tận mà tâm Bi giáo hóa không mệt mỏi, thế giới vô biên mà Nguyện trú vào không tham đắm.

**Phần vị thứ hai-** Thanh tịnh: Dựa vào Hạnh tu tập đúng đắn trước đây, mà luôn luôn thành tựu lìa xa nhiễm. Trong vẫn có hai mục: 1- Tiếp theo phần trước phát khởi phần sau; 2- Đưa ra số lượng, nêu bày tên gọi. Các phần vị sau đều dựa theo đây.

Trong mục 2 là nêu bày, có mười câu theo thứ tự mười câu trước mà thành tựu:

Một- Bởi vì không rời bỏ chúng sinh, cho nên thông hiểu về pháp sâu xa thanh tịnh; bởi vì chúng sinh đều có Phật tánh, ngay nơi Vọng mà Chân, vốn là pháp sâu xa.

Hai- Bởi vì cung kính người trên, cho nên có thể gần gũi.

Ba- Bởi vì không bài báng, cho nên có thể bảo vệ.

Bốn- Bởi vì nhận biết về vô tận, cho nên hiểu rõ như hư không.

Năm- Bởi vì Hạnh của Bồ-tát không tách lìa pháp giới, cho nên tiến sâu vào.

Sáu- Bởi vì nhận biết tâm Bồ-đề sánh bằng hư không, cho nên vô biên.

Bảy- Bởi vì quán sát Bồ-tát đều giống nhau, quán sát này có thể tiến vào Phật lực, cho nên gọi là Căn.

Tám- Bởi vì tinh tiến tu tập không lơ lửng, cho nên không đắm theo kiếp số.

Chín- Bởi vì giáo hóa không hề thỏa mãn, cho nên quán sát chúng sinh đã giáo hóa-chưa giáo hóa... trong ba đời.

Mười- Bởi vì Nguyện trú trong thế giới, cho nên có thể tu tập tất cả các pháp của Phật.

**Phần vị thứ ba-** Trí rộng lớn: Cấu nhiễm đã loại bỏ, Trí căn bản tự nhiên sáng ngời, nhận biết xứng với Tánh-Tướng, cho nên nói là rộng lớn. Cũng thuận theo mười câu trước đây và theo thứ tự mà thành tựu, nhưng có tách ra và hợp lại, e rằng phiền phức cho nên không phối hợp, tùy theo thích hợp mà thuyết giảng.

**Phần vị thứ tư-** Tiến vào khắp nơi: Sự tùy theo-Lý dung thông, xưa nay ngay trong nhau-hòa vào nhau, Trí hiểu rõ pháp vốn như vậy, không có cảnh nào không thông suốt, cho nên thân tâm đều hòa vào nhau. Cũng thuận theo ba phần vị trước sinh ra, có thể dùng ý hiểu được. Không phải là căn, bởi vì Cảnh-Thức và Lý đều không phải là căn.

**Phần vị thứ năm-** Tâm thù thắng vi diệu: Dựa vào pháp nhận biết trước đây vốn dung thông, thì Sự-Lý không có ngăn ngại, ứng với căn cơ thành tựu lợi ích, gọi là tâm thù thắng vi diệu. Thuận theo bốn phần vị trước sinh ra, cũng có thể dùng ý hiểu được.

**Phần vị thứ sáu-** Trí phương tiện khéo léo: Dựa vào Sự-Lý không có ngăn ngại trước đây, nay thì Quyền-Thật quyết đoán, gọi là Trí phương tiện khéo léo. Vẫn có mười một câu, hai câu sau hợp lại làm một, còn lại đều như thứ tự, thuận theo mười câu trước mà thành tựu:

Một- Bởi vì ngay nơi ngôn ngữ không còn ngôn ngữ, cho nên trở thành rất sâu xa.

Hai- Bởi vì không có nương tựa, cho nên rộng lớn.

Ba- Bởi vì như dựa vào Không mà sinh ra Sắc, cho nên có thể thuyết giảng đủ loại.

Bốn- Bởi vì trú vào không có hai bên, cho nên chứng được bình đẳng.

Năm- Bởi vì hiểu rõ Chủng Trí sâu xa bí mật, cho nên hiểu rõ sai biệt.

Sáu- Bởi vì không có sai khác, cho nên hoàn toàn giống nhau.

Bảy- Nếu không có nghi ngờ mê hoặc, thì trang nghiêm cho pháp của Phật.

Tám- Bởi vì bình đẳng, cho nên thành tựu phương tiện như nhau.

Chín- Pháp ba đời dựa theo môn sai biệt làm thành vô lượng phương tiện.

Mười- Bởi vì trú trong Phật lực, có thể nhận biết vô biên chư Phật, cho nên tự lực không lui sụt.

Thuận theo mười câu trước đã như vậy, thì thuận theo phần vị trước cũng như vậy. Như vậy lần lượt chuyển tiếp không tách lìa phần vị bắt đầu tu tập, tùy theo một pháp đã đầy đủ tất cả rồi.

**Mục hai-** Từ “Phật tử, Bồ-tát...” trở xuống là kết luận khuyến khích, một Hạnh có thể đầy đủ tất cả các Hạnh, cho nên nhanh chóng đạt được Bồ-đề.

**Trong phần hai-** Từ “Nhĩ thời Phật...” trở xuống là chứng minh thành tựu, có hai: 1- Hiện rõ điềm lành chứng minh, trong đó: Trước là thế giới này; sau từ “Như thử...” trở xuống kết luận nối thông. 2- Từ “Nhĩ thời chí thập phương...” trở xuống là các Bồ-tát chứng minh, cũng: Trước là nơi quốc độ này; sau từ “Như thử...” trở xuống là kết luận nối thông.

Nói thọ ký pháp sâu xa, là bởi vì sử dụng một ít công sức mà mau chóng đạt được Bồ-đề. Cùng tên gọi Phổ Hiền, là bởi vì đều có Hạnh này. Cảnh giới thù thắng rộng khắp, là bởi vì dựa vào pháp rộng khắp này thật là thù thắng. Cột cao tự tại rộng khắp, là bởi vì Hạnh này thành tựu về quả cao vượt lên không có gì ngăn ngại.

Trong phần sau là dùng kệ trở lại hiển bày, có hai: Một- Tự thuật; hai-Chánh tụng.

**Phần một-** Tự thuật, cũng có hai: 1- Nghi thức thuyết kệ; 2- Từ “Dục khai...” trở xuống là ý thuyết kệ, phần này có mười ý, trong kệ đều đầy đủ, văn hiển bày có thể biết.

**Trong phần hai-** Chánh tụng, có một trăm hai mươi mốt kệ, phân

hai: 1- Có hai mươi bốn kệ, tụng phần hiển bày về phạm vi giới hạn của thuyết giảng; 2- Chín mươi bảy kệ còn lại đều chính thức phân rõ về tướng của Hạnh Phổ Hiền. Đây là kệ tụng (Già-đà) cùng với Trường hàng trước kia, đan xen với nhau cùng hiển bày về Hạnh của Phổ Hiền, trước là sơ lược trình bày về mười pháp lần lượt chuyển tiếp sinh khởi lẫn nhau, ở đây thì mở rộng hiển bày về các môn, lược bớt không có lần lượt chuyển tiếp. Lại trước là phần nhiều hiển bày về Thế, ở đây thì nhiều phân rõ về Dụng.

**Trong phần 1-** Có hai mươi bốn kệ, phân hai: a- Có một kệ, tụng về phần khuyên nhủ lắng nghe, nhận lời thuyết giảng; b- Hai mươi ba kệ còn lại, tụng về phần chính thức nêu ra phạm vi giới hạn.

Trong phần b phân hai mục: Một- Có chín kệ, tụng phần nhận lời thuyết giảng về Hạnh Bồ-tát quá khứ. Hai- Từ “Ư nhất Hiền kiếp...” trở xuống, tụng phần nhận lời thuyết giảng về Hạnh Bồ-tát của chư Phật ba đời.

Trong mục hai, có hai: 1- Có ba kệ, tụng phần nêu ra nơi chốn-thời gian thuyết giảng, hai kệ đầu nói về thời gian, một kệ sau nói về nơi chốn. 2- Có mười một kệ, tụng phần trình bày về Hạnh đã thuyết giảng, trong đó: Bốn kệ trước, tụng về Hạnh xuất thế của chư Phật, tức là Hạnh Phổ Hiền, cho nên gọi là nhân quả viên dung; bảy kệ sau, tụng về Hạnh thuộc Nguyên Trí là ba Luân của Bồ-tát, tức là Hạnh Phổ Hiền.

**Phần 2-** Từ “Ư nhất vi trần...” trở xuống là chính thức hiển bày về Hạnh Phổ Hiền, có chín mươi bảy kệ, phân hai: a- Có sáu mươi bảy kệ, tụng phần trình bày về Hạnh là Đại Trí ngay nơi Bi; b- Từ “Vị an giả...” trở xuống có ba mươi kệ, tụng về Hạnh là Đại Bi ngay nơi Trí.

**Phần a-** Có sáu mươi bảy kệ, tụng phần trình bày về Hạnh là Đại Trí ngay nơi Bi, có mười loại Hạnh:

Một- Có năm kệ, tụng về Hạnh khéo léo tiến vào Đế võng.

Hai- Có mười bảy kệ, tụng về Hạnh vi tế tiến sâu vào thời gian-nơi chốn.

Ba- Từ “Thế giới cập Như Lai...” trở xuống có ba kệ, tụng trình bày về Hạnh bí mật hiểu rõ tâm Phật: Một kệ rưỡi trước thâm nhiếp phần trước phát khởi phần sau, một kệ rưỡi sau chính thức hiển bày về có thể hiểu rõ điều khó hiểu rõ.

Bốn- Có mười kệ, tụng về Hạnh hiểu rõ sự thâm nhiếp giáo hóa của chư Phật ba đời.

Năm- Từ “Xuất sinh...” trở xuống có hai kệ, tụng về Hạnh của sáu căn vô ngại.



Sáu- Có ba kệ, tụng về Hạnh như giáo hóa không có giới hạn.

Bảy- Từ “Chư Phật thâm thâm...” trở xuống có mười kệ, tụng về Hạnh tự tại đối với ba thế gian, sự huyền diệu trong này nên suy nghĩ kỹ càng.

Tám- Có sáu kệ, tụng phần riêng biệt trình bày về Hạnh tự tại đối với Trí chánh giác thế gian.

Chín- Từ “Như Lai Pháp thân tạng...” trở xuống có năm kệ, tụng về Hạnh không phải Thân mà thị hiện Thân. Pháp thân tạng, tức là Tạng thân trước đây thuộc về Tự Thể của Bồ-tát Phổ Hiền, ngôn từ rộng khắp cũng giống như vậy.

Mười- Có sáu kệ, tụng về Hạnh không phải Lượng mà thị hiện Lượng.

Trong phần b- Hạnh là Đại Bi ngay nơi Trí, có ba mươi kệ, cũng có mười Hạnh:

Một- Có bốn kệ, tụng về Hạnh không có trú vào mà thâm nhiếp giáo hóa.

Hai- Có bốn kệ, tụng về Hạnh không phải Thân mà thị hiện Thân.

Ba- Có một kệ, tụng về Hạnh phân bố Xá-lợi.

Bốn- Có hai kệ, tụng về Hạnh nhận biết Đại tâm của Phật.

Năm- Có ba kệ, tụng về Hạnh thuộc Pháp luân tiến sâu vào.

Sáu- Từ “Vô lượng vô biên...” trở xuống có năm kệ, tụng về Hạnh nhận biết rõ ràng căn khí.

Bảy- Có ba kệ, tụng về Hạnh hiểu rõ nghiệp-phiền não của thế gian.

Tám- Có năm kệ, tụng về Hạnh thông hiểu Căn-Cảnh vô ngại.

Chín- Có một kệ, tụng về Hạnh nhận biết bốn loại thuyết pháp,



mà thuyết giảng về thế giới..., tóm lược có ba nghĩa: 1- Dựa theo Lực nổi thông; 2- Dựa theo dung thông, bởi vì một thuyết giảng thì tất cả thuyết giảng; 3- Dựa theo Lý hiển bày, là thuyết giảng về Bồ-tát tiếp xúc với cảnh đều nhận biết rõ ràng, thì tiếp xúc với chủng loại mà thành tựu giáo hóa, như cơm thơm...

Mười- Hai kệ cuối cùng, tụng về Hạnh thâm nhiếp giáo hóa trong ba đời.

Trình bày về nhân bình đẳng, xong.

